Thời Khóa Biểu Lớp

Học Kỳ 1 - Năm Học 18-19

Mã lớp thời khóa biểu: 18V9A2 (Sĩ Số: 60); Ngành: Chính trị học - Khoa: Khoa học chính trị

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 06/08/18

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 1234567890123456789
Thời Khóa Biểu Học Tập									
2	QP006	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	6
2	QP008	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	7
2	QP009	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	8
2	ML009	A02		Những nguyên lý cơ bản của chủ	00719	Thạng	-----678-----	107/C1	9012345
2	QP006	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----6789----	TTGDQP	6
2	QP008	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----6789----	TTGDQP	7
2	QP009	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----6789----	TTGDQP	8
3	QP006	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	6
3	QP008	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	7
3	QP009	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	8
3	QP006	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----6789----	TTGDQP	6
3	QP008	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----6789----	TTGDQP	7
3	QP009	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----6789----	TTGDQP	8
4	QP006	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	6
4	QP008	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	7
4	QP009	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	8
4	ML009	A02		Những nguyên lý cơ bản của chủ	00719	Thạng	---45--------	107/C1	9012345
4	TN033	A03		Tin học căn bản	01322	Diễm	-----678-----	106/B1	9012345
4	QP006	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----678-----	TTGDQP	6
4	QP008	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----678-----	TTGDQP	7
4	QP009	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----678-----	TTGDQP	8
4	SHCVHT	A14		Cố vấn học tập sinh hoạt lớp	02332	Xuyến	--------9----	104/C1	1 5
5	TN034	A03		TT. Tin học căn bản			12345--------	TH13DI	9012345
5	QP008	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	7
5	QP009	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	8
5	QP007	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	6
5	QP008	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----6789----	TTGDQP	7
5	QP009	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----6789----	TTGDQP	8
5	QP007	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----6789----	TTGDQP	6
6	TN034	A03		TT. Tin học căn bản			12345--------	TH16DI	9012345
6	QP008	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	7
6	QP009	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	8
6	QP007	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	6
6	QP008	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----6789----	TTGDQP	7
6	QP009	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----6789----	TTGDQP	8
6	QP007	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----6789----	TTGDQP	6
7	QP008	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	7
7	QP009	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	8
7	QP007	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			1234---------	TTGDQP	6
7	QP008	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----6789----	TTGDQP	7
7	QP009	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----6789----	TTGDQP	8
7	QP007	A01		Giáo dục Quốc phòng và An ninh			-----6789----	TTGDQP	6